



CHỦ ĐỀ 5 + 6 + 7

Phép xã giao thích hợp trên mạng, hãy chọn Đúng hoặc Sai

Rất **dễ nhận ra** và hiểu được **cảm xúc** qua tin nhắn kỹ thuật số.

Nhắn tin ngắn gọn và rõ ràng giúp người nhận hiểu được ý định của bạn.

Viết toàn chữ **IN HOA** khi nhắn tin chỉ ra rằng người đó có cách giao tiếp **đúng đắn** và thái độ hào hứng.

Mục đích của **Video hài hước** là để cung cấp thông tin.

Mục đích của việc gửi **Email** là để **giao tiếp**.

Mục đích của các **bài báo** tin tức trên mạng là để **giải trí**.

Chọn Đúng hoặc Sai về hoạt động giao tiếp trên môi trường số.

Phép xã giao trên môi trường số là **bộ quy tắc** giúp định hướng cách mọi người tương tác xã hội trên mạng.

Vì bạn đang không giao tiếp mặt đối mặt nên **tôn trọng** là điều **không cần thiết**.

Đồng cảm là khả năng **thấu hiểu** rằng phía sau thiết bị bên kia là một con người thật và có cảm xúc.

Nên dùng danh sách có **ký hiệu đầu hàng** khi **thứ tự** các mục đóng vai trò quan trọng.

Chọn Có nếu đó là ví dụ về kỹ năng hành xử đúng mực hoặc Không nếu không phải.

Một người bạn rất biết lắng nghe và cố gắng thấu hiểu cảm xúc của người khác.

Một thầy/cô không trả lời Email sau vài tháng.

Một học sinh cư xử tốt bụng với mọi người khi ở trước mặt, nhưng nói những điều sai sự thật và làm người khác tổn thương trên mạng.



Như thế nào là cách **giao tiếp thích hợp** trên môi trường kỹ thuật số?

Dùng toàn chữ IN HOA để trả lời tin nhắn.

Dùng lời lẽ quan tâm, hòa nhã trên ứng dụng nhắn tin.

Chia sẻ địa chỉ của bạn trên mạng xã hội.

Trả lời Email của giáo viên và gọi thầy/cô bằng tên trêu chọc theo kiểu ác ý.

Nối từng loại giao tiếp tương ứng

Gửi bài tập đã hoàn thành với nhiều **tài liệu đính kèm** cho giáo viên.

♥ Tin nhắn văn bản

Trò chuyện (Chat) với bạn bè khi đang chơi điện tử.

♥ Trò chuyện bằng Video

Dùng **điện thoại di động** để cho ai đó biết là bạn sẽ đến muộn so với giờ đã hẹn.

♥ Nhắn tin trong ứng dụng

Giao tiếp trực diện với những người dùng Internet khác thông qua việc sử dụng **Webcam**.

♥ Email

Tập tin đính kèm Email là gì?

Một cách để định dạng Email.

Một đường liên kết trong Email.

Một tập tin gửi kèm trong Email.

Một biểu tượng trong Email.

Chọn tùy chọn **Tiêu cực** hoặc **Tích cực**

Đối xử với người khác theo cách bạn muốn được đối xử là một ví dụ về cách giao tiếp.

Tôn trọng quyền riêng tư của người khác là một ví dụ về cách giao tiếp.

Dùng lời lẽ thô lỗ hoặc không thích hợp là một ví dụ về cách giao tiếp.

Chọn ví dụ về nội dung trực tuyến với mục đích tương ứng

Trang hướng dẫn

Trò chơi trực tuyến

Phần mềm/ứng dụng
nhắn tin tức thời

Với mỗi câu phát biểu về việc **giao tiếp**, hãy chọn **Đúng** hoặc **Sai**.

Đồng cảm là khả năng **thấu hiểu** và chia sẻ cảm xúc với người khác.

Phép xã giao trên môi trường số là **quy tắc ứng xử** đúng đắn trên Internet.

Tôn trọng là khi bạn mong một việc gì đó **xảy ra hai lần**.

Con kiểm tra tài khoản mạng xã hội của mình và thấy một vài **bình luận gây tổn thương**, mang tính đe dọa. Con nên làm gì?

Xóa bình luận để không ai nhìn thấy

Nhờ ai đó giúp đỡ

Bỏ qua và tin mọi việc sẽ trôi qua

Đáp trả lại các bình luận ác ý đó

Tùy chọn nào là nghi thức trực tuyến **KHÔNG** phù hợp?

Viết Email sử dụng tất cả các chữ IN HOA

Tôn trọng sự riêng tư của người khác.

Giải quyết vấn đề mâu thuẫn trên trực tuyến ngoài thực tế (theo hướng tích cực).

Hãy đối xử với người khác theo cách bạn muốn được đối xử.

Hành vi nào là ví dụ về nghi thức trực tuyến **không phù hợp**? (**Chọn 2**)

Gửi Email với toàn bộ nội dung được viết bằng chữ IN HOA. Tạo nhiều tài khoản Email.

Đăng Video chú mèo của con đang đuổi theo một chú cún trên Youtube.

Quảng bá sản phẩm mà con bán trong một nhóm Facebook không liên quan.

Tạo một hồ sơ chuyên nghiệp trên LinkedIn và một hồ sơ xã hội trên Facebook.

Điều nào **KHÔNG** phải là một phần của thực hành **giao tiếp tốt**?

Căn chỉnh (Alignment)

Phép lịch sự (Etiquette)

Đồng cảm (Empathy)

Sự tôn trọng (Respect)

Tùy chọn nào là nghi thức trực tuyến **KHÔNG** phù hợp?

Hãy đối xử với người khác theo cách bạn muốn được đối xử.

Giao tiếp về những người khác mà không có sự cho phép của họ.

Giải quyết vấn đề mâu thuẫn trên trực tuyến ngoài thực tế (hướng tích cực).

Chỉ nói trực tuyến những gì bạn sẽ nói trực tiếp.



Bạn sắp đi một chuyến thực địa và giáo viên của bạn cần **gửi giấy xin phép** cho cả lớp. Thầy/cô đó nên sử dụng phương thức giao tiếp nào?

Đăng lên mạng xã hội

Gọi Video

Email

Gọi điện thoại

Tùy chọn nào sau đây là ví dụ về **nghi thức thích hợp** trong một **Email**?

Chỉ gửi một dòng văn bản trong mỗi Email.

Viết toàn bộ nội dung Email trong dòng chủ đề.

Hãy lịch sự và dành thời gian để viết đúng chính tả.

Viết các câu một cách rời rạc.

Tùy chọn nào là ví dụ về **nghi thức trực tuyến phù hợp? (Chọn 2)**

Nếu em không đồng ý với bài đăng của ai đó, hãy trả lời rằng: Họ thật ngu ngốc và không nên tham gia thảo luận.

Tôn trọng người khác.

Chỉ đăng biểu tượng cảm xúc thay vì lời nói.

Sử dụng dấu câu và định dạng thích hợp.

Khi nào sử dụng trò chuyện Video là **KHÔNG** phù hợp?

Nói chuyện với một thành viên gia đình ở một quốc gia khác.

Làm việc trên một dự án nhóm với các bạn cùng lớp.

Hỏi giáo viên của bạn về một bài tập lúc 2 giờ sáng.

Nói chuyện với cha mẹ khi họ đi công tác.

Tại sao phải **cẩn thận** với những gì được **đăng trên Internet**?

Không cần phải cẩn thận với những gì được đăng trên Internet.

Tất cả những gì được đăng trên Internet đều được mọi người tha thứ.

Khi đăng một điều gì đó trên Internet, thì sẽ không thể xóa hoàn toàn khỏi Internet.

Tất cả người dùng trên Internet thực hành nghi thức phù hợp.

Hai yếu tố để **cộng tác thành công** là gì? (Chọn 2)

Điều chỉnh cấu trúc bài

Lắng nghe

Giao tiếp rõ ràng

Chỉnh sửa câu chữ



Bạn đọc một số **tin tức trực tuyến** làm bạn **khó chịu**. Bạn nên làm gì?

Nói với mọi người bạn biết rằng tin tức là giả mạo.

Tạm ngừng, hít thở và suy nghĩ trước khi bạn hành động.

Viết một Email tức giận cho tác giả.

Ngừng đọc tin tức trực tuyến.

Chọn phương thức giao tiếp tương ứng với tình huống.

Dùng cho những tin nhắn ngắn, không trang trọng và cần phản hồi nhanh ngay cả khi người đó đang ở nhà.

Dùng để giao tiếp và tương tác qua lại tức thì.

Dùng cho những tin nhắn có nội dung dài và không cần phản hồi ngay.

Đâu là ba yếu tố cốt yếu để **cộng tác thành công? (Chọn 3)**

Cả nhóm đã từng làm việc với nhau trước đây.

Cả nhóm đều là bạn bè của nhau.

Lắng nghe và tham gia đóng góp.

Mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng.

Mọi người có chung niềm tin.

Tập trung hoàn thành nhiệm vụ.

Bình duyệt (Peer Review) là gì?

Đánh giá vai trò của bạn học trong nhóm ở mỗi giai đoạn làm bài tập.

Đảm bảo mỗi người trong nhóm đều đảm nhận trách nhiệm như nhau khi cộng tác trên mạng.

Cho điểm các bạn học khác vào cuối dự án cộng tác, dựa trên mức độ công việc mà họ đã hoàn thành.

Kiểm tra công việc/sản phẩm mà một bạn học khác đã hoàn thành khi cộng tác chung.



Cộng tác là gì?

Nhanh chóng làm xong bài tập được giao.

Làm việc độc lập.

Chia sẻ ý tưởng với người khác.

Đạt được điểm số cao.

Học sinh viết bài luận trên lớp rồi **chia sẻ với nhau** trên mạng để **sửa và gửi bình luận**. Quy trình này được gọi là gì?

Bình duyệt (Peer Review)

Dữ liệu cá nhân

Giao tiếp tiêu cực

Công dân kỹ thuật số

Phản hồi (Feedback) là gì?

Cạnh tranh thành tích cao nhất.

Chia sẻ bớt khối lượng công việc.

Đưa ra đề xuất để cải thiện kết quả.

Cùng nhau làm bài tập theo nhóm.

Đâu là yếu tố cốt yếu để **cộng tác thành công** qua mạng?

Mọi người đều đóng góp vai trò và trách nhiệm trong nhóm.

Mọi người phải cùng tuổi và luôn đồng thuận về chiến lược tối ưu.

Mọi người có nguồn gốc xuất xứ giống nhau và sống trong cùng khu vực.

Mọi người đều có khả năng làm việc độc lập và ngoài thực tế (Offline).

Tùy chọn nào là ví dụ về việc **bình duyệt** (Peer Review)?

Nhận phản hồi từ bạn học trước khi xuất bản bài luận.

Nộp bài luận mà không hề sửa hoặc điều chỉnh.

Đưa ra ý kiến của bạn về công việc/sản phẩm của từng người khác.

Nhờ cha mẹ hoặc giáo viên đưa ra lời khuyên về bài viết của bạn.

Tính năng cho phép chọn **mức độ** mỗi người có thể **tương tác** với tập tin?

Quyền chia sẻ (Sharing Permissions)

Xuất tài liệu (Export)

Bảo vệ tài liệu (Protect Document)

Nhập tài liệu (Import)



Kích cỡ tập tin của tài liệu Con đang làm việc quá lớn. Con hãy cho biết, tùy chọn nào sau đây là cách Con có thể giảm kích thước của tập tin?

Lưu tài liệu dưới dạng tài liệu hỗ trợ Macro.

Ẩn tất cả các đánh dấu (Markup) trên tài liệu.

Nén ảnh (Compress the Pictures) trong tài liệu.

Hạn chế chỉnh sửa (Restrict Editing) trên tài liệu.

Một ví dụ về việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số một cách thích hợp trong trường học hoặc nơi làm việc là gì?

Quay Video các bạn cùng lớp ăn trưa và đăng lên mạng.

Chơi Game hầu hết thời gian trong ngày.

Hợp tác với các bạn cùng lớp trong một bài tập nhóm.

Bí mật ghi lại âm thanh của anh chị em của bạn để chia sẻ cho bạn bè của bạn.

Một yếu tố quan trọng của sự hợp tác thành công là gì?

Phê bình ý tưởng hoặc quan điểm của mọi người trước khi hiểu chúng.

Chơi trò chơi trong giờ làm việc nhóm.

Xác thực ý tưởng.

Thay đổi vai trò của mọi người mỗi khi bạn gặp nhau.

Yếu tố nào KHÔNG phải là yếu tố hợp tác thành công?

Tiếp tục nhiệm vụ.

Phê bình ý kiến hoặc quan điểm của mọi người trước khi hiểu chúng.

Đặt mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng.

Giao tiếp rõ ràng.

Chia sẻ công việc với các bạn cùng lớp để nhận phản hồi được gọi là gì?

Đánh giá ngang hàng

Vai trò

Trách nhiệm

Xuất bản



Lợi ích của việc lưu trữ tập tin trên đám mây trực tuyến? (Chọn 2)

Các tập tin có thể được truy cập bất cứ nơi nào bằng thiết bị có kết nối với Internet.

Mọi người được chia sẻ tài liệu và đều có thể xem các thay đổi đã lưu.

Dữ liệu chỉ có thể được truy cập thông qua kết nối có dây.

Lưu trữ đám mây là một dịch vụ miễn phí.

Phát biểu về việc xem màn hình lâu, chọn Đúng hoặc Sai.

Bạn có thể bị đau cổ và vai.

Bạn có thể phát triển bệnh mù màu.

Bạn có thể bị đau đầu.

Với mỗi câu phát biểu về hành vi Hack máy tính, chọn Đúng hoặc Sai.

Xâm nhập vào một hệ thống máy tính được coi là hành vi Hack.

Lập trình để tạo ra một ứng dụng có thể tự động gửi tin nhắn cho bạn bè được coi là hành vi Hack.

Tải trò chơi về máy tính của bạn được coi là hành vi Hack.

Chọn An toàn hoặc Không an toàn của các hành vi kỹ thuật số?

Tập tin đính kèm mà bạn nhận được từ người lạ.

Video cổ vũ những hành vi gây hại.

Nội dung hướng dẫn cách vẽ một con rồng.

Trò chơi mang tính giáo dục.

Chọn Đúng hoặc Sai ứng với là hành vi bắt nạt trực tuyến?

Hành vi cố ý gây bẽ mặt người khác bằng cách chia sẻ thông tin riêng tư.

Đây là hành vi trái luật và bị cơ quan hành pháp xử lý nghiêm trọng.

Hành vi gửi, đăng hoặc chia sẻ nội dung ác ý.



Nội mỗi thuật ngữ ứng với định nghĩa

Cách chúng ta thể hiện sự tôn trọng và tử tế khi trực tuyến.

Empathy (Đồng cảm)

Chấp nhận ai đó hoặc điều gì đó ngay cả khi bạn không đồng ý hoặc không hiểu quan điểm.

Posting (Đăng bài)

Có thể hiểu được người khác đang cảm thấy thế nào.

Etiquette (Nghĩ thức/Phép xã giao)

Đưa một cái gì đó lên internet.

Respect (Tôn trọng)

Nội thuật ngữ tương ứng:

App trial (Dùng thử ứng dụng)

Một khoảng thời gian nhất định để sử dụng ứng dụng miễn phí trước khi được yêu cầu đăng ký trả phí.

App subscription (Đăng ký ứng dụng)

Quyền truy cập phải trả phí vào nội dung trong ứng dụng trong một khoảng thời gian cụ thể.

In-app purchase (Mua trong ứng dụng)

Các giao dịch mua nội dung hoặc đăng ký bổ sung mà bạn mua trong ứng dụng.

Nội mỗi ví dụ ứng với kiểu định dạng được thể hiện

Font Size (Kích thước chữ)

Animals in the Wild)"> **Animals in the Wild**

Bold (In đậm)

The Animal KingdomPredators and PreyEverything You Need to Know)"> The Animal KingdomPredators and PreyEverything You Need to Know

Alignment (Căn chỉnh)

Candy Around the World
Candy Bars
Chocolates





Điều gì **KHÔNG** phải là một phần của **dấu chân kỹ thuật số** của bạn?

- Nhạc được lưu trên ổ cứng máy tính.
- Đăng ký nhận bản tin Email.
- Mua hàng trực tuyến.
- Bài đăng trên mạng xã hội.

Hành động **nỗ lực khai thác hệ thống máy tính** hoặc mạng riêng bên trong máy tính được gọi là gì?

- Công dân kỹ nguyên số (Digital Citizenship)
- Hacking
- Dấu chân kỹ thuật số (Digital Footprint)
- Bystander

Khi bạn tìm kiếm một chủ đề và thấy từ **"Ads/Sponsored"** bên cạnh một số liên kết, điều đó có nghĩa là gì?

- Bạn sẽ mất tiền nếu bạn nhấp vào liên kết.
- Đây là một mục được tài trợ mà ai đó đã trả tiền.
- Tìm kiếm của bạn không mang lại đủ kết quả.
- Máy tính của bạn bị nhiễm Virus.

Hệ điều hành (OS) là gì?

- Khu vực làm việc của màn hình máy tính.
- Một cái gì đó đi vào máy tính.
- Phần mềm hỗ trợ các chức năng cơ bản của máy tính.
- Thiết bị vật lý lưu trữ thông tin cho hệ điều hành, phần mềm và phần cứng.

Phần mềm diệt Virus là gì?

- Một chương trình bảo vệ máy tính hoặc mạng khỏi phần mềm độc hại.
- Khả năng cho nhiều người dùng truy cập vào cùng một tập tin.
- Ăn cắp, xem hoặc làm hỏng dữ liệu của người dùng khác.
- Một hình thức quấy rối trực tuyến.

Các từ hoặc cụm từ ngắn ở **đầu trang trình chiếu kỹ thuật số** là gì?





Đề mục (Heading)

Nhà xuất bản

URL

Tác giả (Author)



Tại sao nói là hữu ích khi sử dụng từ đồng nghĩa trong tìm kiếm của bạn?

Nó thu hẹp tìm kiếm chỉ các trang Web giáo dục.

Để tinh chỉnh hoặc mở rộng kết quả tìm kiếm.

Nó loại bỏ quảng cáo trong kết quả tìm kiếm.

Kết quả tìm kiếm không chính xác nếu không.

Điều gì là kiểm tiền cho chủ sở hữu trang Web khi bạn tìm kiếm trực tuyến?

Quảng cáo (Ads)

Tin nhắn trong ứng dụng

Kết quả tìm kiếm

Từ đồng nghĩa (Synonyms)

Chọn Có nếu đó là nội dung trực tuyến mà bạn thường có thể tin cậy và Không nếu đó là nội dung không an toàn mà bạn thường không thể tin cậy.

Email có URL từ người gửi mà bạn không nhận ra

Một trang web bật lên cho biết bạn đã giành được thứ gì đó

Bản tin trường học mà bạn đăng ký

Tin nhắn trong ứng dụng từ một người mà bạn không biết

Chọn Có nếu đó mà một ví dụ về giao tiếp phù hợp và Không nếu không.

Gửi Email cho thư thư để yêu cầu giới thiệu sách.

Nhắn tin cho giáo viên của bạn lúc 3 giờ sáng về bài tập ở trường

Sử dụng trò chuyện video để thảo luận về một dự án ở trường với các bạn cùng lớp vào cuối tuần.

Chọn Có nếu đó mà một ví dụ về cách sử dụng hình ảnh phù hợp và Không nếu không.

Thêm chú thích cho tất cả hình ảnh trong báo cáo của trường.

Sử dụng hình ảnh bạn không sở hữu cho một bài báo trên tờ báo trường.





Việc thêm ảnh của bạn vào mỗi Slide của bài thuyết trình nhóm ở trường.

Lưu hình ảnh trực tuyến với giấy phép Creative Commons để sử dụng cho tờ báo của trường.

Nội thuật ngữ tương ứng:

Lưu địa chỉ web	●	●	Bookmark (Đánh dấu trang)
Cập nhật trang web để xem nội dung có thay đổi hay không.	●	●	Navigate (Điều hướng)
Việc lưu trữ, tổ chức và truy xuất thông tin.	●	●	Information Management (Quản lý thông tin)
Để nhấp chuột và xem qua các tài nguyên trên internet.	●	●	Reload (Tải lại)

Nội mỗi ví dụ ứng với phần tài liệu được thể hiện

Numbered list (Danh sách số đầu dòng)	●	●	Marine Animals
Bulleted list (Danh sách dấu đầu dòng)	●	●	Endangered water habitats
Heading (Đề mục/Tiêu đề phần)	●	●	• snorkel • dry suit • swimsuit • sunscreen
Title (Tiêu đề)	●	●	1. Swim away from the 2. Dive under the surface until 3. Proceed to the ship and swim

